TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẤT – TP. HÀ NỘI

Bản án số: 01/2018/DS - ST

Ngày 29/01/2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Thị Ninh
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đặng Văn Tần
- Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký toà án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội tham gia phiờn toà: Ông Phùng Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 53/2017/TLST- DS ngày 24 thỏng 10 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số: 01/2018/QĐST-DS ngày 24/01/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng thương mại cổ phần KT (Techcom bank).

Trụ sở: Số 191, phố B, phường L, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Nh - Giám đốc xử lý nợ Ngân hàng thương mại cổ KT (Theo giấy uỷ quyền số 1218/2017/QĐ- HĐ QT ngày 27/9/2017).

Bà Phạm Thị Nh uỷ quyền lại cho: Bà Nguyễn Thị Thanh Nh, ông Trần Tuấn A, bà Trần Thị Nh đều là chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng thương mại cổ phần KT (Theo giấy uỷ quyền số 1823/2017/UQ- TCB ngày 18/10/2017). Bà Nh có mặt.

- Bị đơn: - Anh Vũ Hữu S, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
- Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1978 (Có mặt)

Đều cùng đăng ký NKTT: Cụm 9, xã Ng, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội

Đều đang tạm trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện Thạch Thất, Hà Nội

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1948 (Vắng mặt)
2. Ông Vũ Hữu Tr, sinh năm 1939 (Vắng mặt)

Đều ở địa chỉ: Cụm 9, xã Ng, huyện Phúc Thọ, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2016 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần KT (Techcom bank) trình bày: Ngày 19/01/2011 Ngân hàng thương mại cổ phần Kt có ký hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 2434/HĐTD/TH – TN/TCB-HTY với chị Nguyễn Thị Ph và anh Vũ Hữu S. Theo hợp đồng cùng ngày anh S, chị Ph ký khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ 2434 nhận nợ Ngân hàng số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Các quy định về lãi suất, thời hạn vay, mục đích vay giữa hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ không có thay đổi cụ thể: lãi suất vay 19%/năm điều chỉnh 3 tháng/1 lần, thời hạn vay 180 tháng, ngày đến hạn cuối cùng ngày 19/01/2026, mục đích vay tiêu dùng.

Ngày 19/01/2011 tại Văn phòng công chứng số 7 thành phố Hà Nội, anh S, chị Ph đã ký hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 184a, tờ bản đồ số 6a, diện tích 244m^2 tại xã Ng, huyện Phỳc Thọ, TP. Hà Nội đã được UBND huyện Phúc Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM568945, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.01077 ngày 10/6/2008 cho hộ anh Vũ Hữu S, chị Nguyễn Thị Ph, sang trang những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/01/2011 cho anh Vũ Hữu S, chị Nguyễn Thị Ph.

Quá trình vay tiền Ngân hàng đến nay, anh S, chị Ph đã trả Ngân hàng đến ngày 20/9/2014 số tiền 1.492.931.362đ (Một tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng), trong đó: trả nợ gốc 430.000.000đ, lãi 1.062.931.362đ. Sau đó, anh S, chị Ph không trả được nợ lãi cho Ngân hàng nên sau ngày 20/9/2014 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc anh S, chị Ph trả nợ nhưng anh S, chị Ph đều không có phương án trả nợ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh S, chị Ph phải trả toàn bộ khoản vay tính đến ngày 02/01/2018 số tiền 2.312.678.695đ (Hai tỷ ba trăm mười hai triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi năm đồng). Trong đó:

Nợ gốc: 1.370.000.000.000đ

Nợ lãi trong hạn: 579.365.530đ

Nợ lãi qúa hạn: 144.923.754đ

Lãi phạt: 218.389.411đ.

Đối với phần lãi áp dụng kể từ ngày 03/01/2018 áp dụng theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Nếu bị đơn không thực hiện trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Đối với phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn tự nguyện chịu, nguyên đơn không yêu cầu toà án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án tại toà án bị đơn chị Nguyễn Thị Ph và anh Vũ Hữu S đều trình bày: Anh S, chị Ph xác nhận thời gian ký hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, thời gian trả gốc và lãi như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày là đúng. Ngày 30/9/2014 chị Ph mang đủ số tiền trả nợ cho Ngân hàng số tiền 1.393.381.105đ (Một tỷ ba trăm chín mươi ba triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn một trăm linh năm đồng) để trả nợ trước hạn và xin miễn trả tiền phạt trước hạn. Do Ngân hàng không chấp nhận yêu cầu của

chị Ph nên chị Ph đem toàn bộ số tiền về tiếp tục kinh doanh, đến ngày 03/8/2016 toàn bộ lán xưởng của gia đình bị cháy. Hiện tại anh chị không có khả năng trả nợ Ngân hàng vì kinh tế gia đình anh chị lâm vào tình trạng phá sản, anh chị phải đi làm mướn. Ngân hàng khởi kiện anh chị chỉ công nhận số nợ 1.393.381.105đ (Một tỷ ba trăm chín mươi ba triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn một trăm linh năm đồng), đề nghị Ngân hàng giãn nợ cho trả dần, nếu Ngân hàng không đồng ý anh chị xin trả nợ Ngân hàng mỗi tháng số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Trên thửa đất chấp có anh chị, bố mẹ anh S là ông Tr, bà L, các con của anh chị là cháu Tr1, N, H đang sinh sống, ngoài ra không có ai sinh sống trên thửa đất này. Tài sản thế chấp từ đó đến nay không có biến động thay đổi gì.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Hữu Tr, bà Phan Thị L đều trình bày: Hiện tại ông, bà đang sinh sống trên thửa đất 184a, tờ bản đồ số 6a, diện tích 244m^2 tại xã Ng, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội. Thửa đất này, anh S, chị Ph đã thế chấp vay tiền Ngân hàng. Việc anh S, chị Ph vay tiền Ngân hàng và trả gốc lãi như thế nào ông, bà không biết và không có liên quan gì. Hiện tại trên thửa đất thế chấp chỉ có ông, bà đang sinh sống, ngoài ra không có ai sinh sống trên thửa đất này. Ông bà không tham gia tố tụng hay ký bất cứ văn bản gì liên quan đến vụ án vì ông bà không có liên quan gì.

Tại phiên toà: Nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc anh S, chị Ph phải chịu: Lãi phạt đối với khoản vay số tiền 218.389.411đ; phạt vi phạm hợp đồng số tiền 18.000.000đ. Tổng số tiền 236.389.411đ (Hai trăm ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm mười một đồng).

Đối với các yêu cầu khác, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày và đề nghị toà án giải quyết buộc anh S, chị Ph phải trả nợ toàn bộ khoản vay tính đến ngày 02/01/2018 số tiền 2.094.289.284đ (Hai tỷ không trăm chín mươi tư triệu hai trăm tám mươi chín nghìn hai trăm tám mươi tư đồng). Trong đó:

Nợ gốc: 1.370.000.000.000đ

Nợ lãi trong hạn: 579.365.530đ

Nợ lãi qúa hạn: 144.923.754đ

Nguyên đơn cũng xác nhận chưa bán khoản vay này cho bất cơ cơ quan, tổ chức nào.

Chị Ph giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại toà án và không có ý kiến gì khác.

Anh S, ông Tr, bà L đã được Toà án tống đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng nghị án là đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận toàn bộ, chấp nhận sự tự nguyện rút yêu cầu lãi phạt, phạt vi phạm hợp đồng và chịu chi phí xem xét thẩm định của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng ông Tr, bà L, anh S đều vắng mặt không có lý

do. Do vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt: anh S, ông Tr, bà L, anh S là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 19/01/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần KT có ký hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 2434/HĐTD/TH – TN/TCB-HTY với chị Nguyễn Thị Ph và anh Vũ Hữu S. Theo hợp đồng cùng ngày anh S, chị Ph ký khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ 2434 nhận nợ Ngân hàng số tiền 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Mục đích vay vốn tiêu dùng. Từ khi vay tiền Ngân hàng đến nay, anh S, chị Ph trả nợ Ngân hàng đến ngày 20/9/2014 số tiền 1.492.931.362đ, trong đó: trả nợ gốc 430.000.000đ, lãi 1.062.931.362đ. Sau đó, anh S, chị Ph không trả được nợ lãi cho Ngân hàng nên sau ngày 20/9/2014 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn. Ngày 25/8/2016, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh S, chị Ph trả nợ. Do vậy, Tranh chấp phát sinh trong vụ án là tranh chấp dân sự và thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết được quy định tại Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu anh S, chị Ph phải trả nợ các khoản tính đến ngày 02/01/2018 số tiền 2.094.289.284đ (Hai tỷ không trăm chín mươi tư triệu hai trăm tám mươi chín nghìn hai trăm tám mươi tư đồng). Trong đó: Nợ gốc 1.370.000.000.000đ; nợ lãi trong hạn 579.365.530đ; nợ lãi qúa hạn 144.923.754đ.

Đối với khoản nợ gốc: Xét thấy ngày 19/01/2011, Ngân hàng và anh S, chị Ph ký hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 2434/HĐTD/TH – TN/TCB-HTY và cùng ngày ký khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ 2434 nhận nợ Ngân hàng số tiền 1.800.000.000đ. Qúa trình tham gia tố tụng anh S, chị Ph và Ngân hàng đều xác nhận toàn bộ khoản nợ vay, thừa nhận đến ngày 20/9/2014 đã trả Ngân hàng số tiền nợ gốc 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng). Hiện tại anh S, chị Ph còn nợ Ngân hàng 1.370.000.000đ. Do vậy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 1.370.000.000đ (Một tỷ ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Xét yêu cầu của Ngân hàng về khoản nợ lãi trong hạn tính đến thời điểm ngày 02/01/2018 số tiền 579.365.530đ (Năm trăm bảy mươi chín triệu ba trăm sáu mươi năm nghìn năm trăm ba mươi đồng). Xét thấy trong hợp đồng tín dụng trung và dài hạn, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ đều cùng ngày 19/01/2011 các bên đều thoả thuận lói suất vay 19%/năm, điều chỉnh 3 tháng/1 lần, thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày 19/01/2011 đến ngày 19/01/2026. Anh S, chị Ph không đồng ý trả khoản nợ lãi cho Ngân hàng . Vì, ngày 30/9/2014 chị Ph mang toàn bộ số tiền trả nợ trước hạn cho Ngân hàng, xin miễn phí phạt trả nợ trước hạn, Ngân hàng không đồng ý nên anh S, chị Ph không trả nợ Ngân hàng từ đó cho đến nay. Theo quy định tại mục 6.5.2, 6.5.3 Điều 6 của Hợp đồng tín dụng thì việc anh S, chị Ph không nộp phí phạt trả nợ trước hạn, không thực hiện trả nợ Ngân hàng đã vi phạm cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Lãi suất trong hạn mà các bên thoả thuận tại Điều 1 trong hợp đồng và tại mục 5 của khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ phù hợp với lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng theo Thông tư số

12/2010/TT- NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng về khoản nợ lãi quá hạn tính đến thời điểm ngày 03/01/2018 là 144.923.754đ (Một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi tư đồng). Theo quy định tại khoản 5.2 Điều 5, mục 8.2.1 Điều 8 của Hợp đồng các bên thoả thuận khoản lãi quá hạn trong khế ước nhận nợ xác định bằng 1,5 lần lãi suất vay trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn rút đối với lãi phạt của khoản vay số tiền 218.389.411đ; phạt vi phạm hợp đồng số tiền 18.000.000đ. Tổng số tiền 236.389.411đ (Hai trăm ba mươi sáu triệu ba trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm mười một đồng). Yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện có căn cứ chấp nhận.

Như vậy tổng số tiền nợ lãi (lãi trong hạn và quá hạn) tính đến ngày 02/01/2018 phía nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận số tiền 724.289.284đ (Bảy trăm hai mươi bốn triệu hai trăm tám mươi chín nghìn hai trăm tám mươi tư đồng). Cần buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền nợ gốc, lãi cho nguyên đơn số tiền 2.094.289.284đ (Hai tỷ không trăm chín mươi tư triệu hai trăm tám mươi chín nghìn hai trăm tám mươi tư đồng).

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 03/01/2018 đến ngày thanh toán xong toàn bộ nợ. Theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng và anh S, chị Ph các bên có thoả thuận phần nợ gốc, lãi được được điều chỉnh trong toàn bộ thời gian vay của bên vay, kể cả thời gian vượt quá thời hạn vay. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp anh S, chị Ph không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 2434/HĐTD/TH – TN/TCB-HTY ngày 19/01/2011 các bên thoả thuận tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 184a, tờ bản đồ số 6a, diện tích 244m^2 tại xã Ng, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội đã được UBND huyện Phúc Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM568945, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.01077 ngày 10/6/2008 cho hộ anh Vũ Hữu S, chị Nguyễn Thị Ph, sang trang những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/01/2011 cho anh Vũ Hữu S, chị Nguyễn Thị Ph. Anh S, chị Ph không có ý kiến gì đối với đối với yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm. Xét thấy các bên ký hợp đồng thế chấp trên cơ sở tự nguyện, có công chứng và đều làm thủ tục đăng ký thế chấp tại Văn phũng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Phúc Thọ. Thủ tục thế chấp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục cho khoản vay, phù hợp với quy định tại Điều 343 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm a khoản 1 Điều 64, khoản 1 Điều 146 Nghị định số 181/2004/NĐ - CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành luật đất đai; Nghị định số 83/2010/NĐ- CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm; Điều 130 Luật đất đai năm 2003. Do vậy yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yòu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KT được chấp nhận nên anh S, chị Ph phải chịu án phí, theo quy định của pháp luật.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của đương sự là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26,35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 10, 122, 343,351 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 130 Luật đất đai năm 2003.

Căn cứ Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

Tuyờn xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần KT. Buộc anh Vũ Hữu S, chị Nguyễn Thị Ph trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần KT theo hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 2434/HĐTD/TH – TN/TCB-HTY, khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ 2434 đều cùng ngày 19/01/2011 số tiền còn nợ tính đến ngày 02/01/2018, gồm:

Nợ gốc 1.370.000.000.000đ

Nợ lãi trong hạn 579.365.530đ

Nợ lãi qúa hạn 144.923.754đ.

Tổng cộng: 2.094.289.284đ (Hai tỷ không trăm chín mươi tư triệu hai trăm tám mươi chín nghìn hai trăm tám mươi tư đồng).

Kể từ ngày 03/01/2018 anh Vũ Hữu S, chị Nguyễn Thị Ph phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp, hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp anh Vũ Hữu S, chị Nguyễn Thị Ph không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần KT có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa số 184a, tờ bản đồ số 6a, diện tích 244m^2 tại xã Ng, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội đã được UBND huyện Phúc Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM568945, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.01077 ngày 10/6/2008 cho hộ anh Vũ Hữu S, chị Nguyễn Thị Ph, sang trang những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/01/2011 cho anh Vũ Hữu S, chị Nguyễn Thị Ph.

Về án phí: Anh Vũ Hữu S, chị Nguyễn Thị Ph phải chịu án phí dân sự là **73.885.000đ** *(Bảy mươi ba triệu tám trăm tám mươi năm nghìn đồng).*

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần KT số tiền tạm ứng án phí đã nộp **34.000.000đ** *(Ba mươi tư triệu đồng)* theo biên lai thu số 0001710 ngày 07/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai Ngân hàng thương mại cổ phần KT, chị Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tr, bà L, anh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Tạ Thị Ninh